TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 394/2025/HS-PT
Ngày 30 tháng 5 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Nguyệt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 246/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Trần Quốc V do có kháng cáo của bị cáo,các bị hại và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2025/HS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Phiên tòa được tiến hành tại điểm hai điểm cầu gồm: Điểm cầu trung tâm là phòng xét xử trực tuyến của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

I. Tại điểm cầu trung tâm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Lê Nguyệt Hà - Kiểm sát viên.

- Người bào chữa cho bị cáo V: Luật sư Trần Cao Đại Kỳ Q - Công ty L6, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; có mặt.

II. Tại điểm cầu thành phần gồm có:

- *Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:* **Trần Quốc V**, sinh năm 1993 tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký thường trú: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố D, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao

động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần H3 Song sinh năm 1966 và bà Trần Thị T, sinh năm 1970; có vợ Đặng Thị K1, sinh năm 1997; có hai con lớn nhất sinh năm 2021 nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2023 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Các bị hại có kháng cáo: Ông Đào Kim T1, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt; ông Nguyễn Trọng K2, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có mặt; ông Võ Anh D sinh năm 1969; địa chỉ: Số B đường T, khu phố E, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

(Ngoài ra còn có 29 người bị hại không kháng cáo và không bị kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2022, Trần Quốc V biết người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có nhu cầu làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký biến động, tách thửa đất nên V đưa ra thông tin quen biết với nhiều người có chức vụ và thẩm quyền ở tỉnh Đắk Nông, có khả năng làm các thủ tục liên quan đến cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vịnh thuê Nguyễn Duy K3 và Nguyễn Văn Đ đến đo đạc xác định diện tích đất, lập hợp đồng thỏa thuận và yêu cầu cá nhân cung cấp thông tin để làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để các hộ dân tin tưởng đưa tiền cho V. Khi cần thêm tiền, V nói phải nộp các khoản thuế, phí để các hộ dân đưa thêm tiền. Sau khi nhận tiền của các hộ dân, V sử dụng tiền đã chiếm đoạt để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Từ năm 2022 đến tháng 10/2023, V đã chiếm đoạt của 32 người, với tổng số tiền 5.714.800.000 đồng, cụ thể:

1. Chiếm đoạt của ông Võ Ngọc H4: Khoảng tháng 7/2022, D nói cho V biết ông La Văn N đang xây nhà cho ông H4 nhưng bị đình chỉ do xây dựng trên đất nông nghiệp. Vịnh đưa thông tin sẽ làm được thủ tục chuyển mục đích diện tích 1.000m^2 sang đất ở với chi phí là 800.000.000 đồng với thời gian 04 tháng. Ông H4 nhờ ông N lập hợp đồng với V. Ngày 14-7-2022, ông H4 chuyển 100.000.000 đồng cho N để đưa cho V. Ngày 18-7-2022, ông H4 chuyển thêm 460.000.000 đồng cho V. Sau đó, V nhận làm thủ tục cho ông H4 cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với chi phí 590.000.000 đồng.

Ngày 20-7-2022, V ký hợp đồng với ông H4 và thuê Nguyễn Văn Đ đến đo đạc, chi phí 3.000.000 đồng, ông H4 chuyển trước cho Vịnh 100.000.000 đồng. Các ngày 22-7-2022, ông H4 chuyển cho Vịnh 300.000.000 đồng, ngày 01-8-2022, chuyển 140.000.000 đồng. Sau đó, V tiếp tục nhận làm Giấy phép xây dựng cho ông H4 với chi phí 40.000.000 đồng. V đã chiếm đoạt của ông H4 tổng số tiền là 1.143.000.000 đồng.

2. Chiếm đoạt của vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị T3: Đầu năm 2022, Trần Quốc V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T2 và

bà T3 với số tiền là 450.000.000 đồng, thời gian làm 06 tháng. Vịnh thuê Đ đo đạc đất để ông T2 và bà T3 tin tưởng đã đưa tiền cho V 150.000.000 đồng. Tháng 7/2022, V nói dối đã làm xong và yêu cầu ông T2 đưa thêm 250.000.000 đồng để nộp thuế mới được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến cuối năm 2022, V nói chuyển được mục đích sang đất ở. Ông T2 nhờ V chuyển 400m^2 đất ở và 3000m^2 đất ông T2 mới mua. Bà T3 chuyển cho V 104.000.000 đồng. Cuối tháng 10/2023, V sử dụng phần mềm tạo hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK285521 cấp cho ông T2, đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 32, gửi cho ông T2 qua Z và nói dối ông T2 là đã làm xong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cần thêm tiền đóng thuế và bảo ông T2 đưa thêm tiền và dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE 317132 tên Võ Ngọc H4 đến gặp vợ chồng ông T2 đề nghị đưa thêm tiền và đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H4 cho ông T2 giữ, ông T2 không đồng ý. Vịnh đã nhận của vợ chồng ông T2 504.000.000 đồng.

3. Chiếm đoạt của ông Lê Văn C: Tháng 6/2023, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C đối với 06 thửa đất với chi phí 600.000.000 đồng, trong thời gian 05 tháng. Ngày 10-6-2023, hai bên ký hợp đồng, ông C đưa trước cho V 30.000.000 đồng. Ngày 09-07-2023 ông C chuyển tiếp cho V 130.000.000 đồng. Để ông C tin tưởng việc làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Vịnh thuê ông Nguyễn Văn Đ đến đo đạc đất. Ngày 13-7-2023 ông C chuyển thêm cho Vịnh 120.000.000 đồng. Ngày 20-7-2023, V yêu cầu ông C đưa thêm 20.000.000 đồng. Tổng số tiền ông C đưa cho V là 320.000.000 đồng.

4. Chiếm đoạt của ông Chu Văn Đ1: Tháng 6/2022, V biết ông Đ1 có nhu cầu làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích khoảng 150.000m^2 (thửa đất này là của ông Phạm Văn Đ2, bố vợ ông Đ1), với số tiền 20.000.000đ/ha. Để ông Đ1 tin tưởng việc làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Vịnh thuê Đ1 đến đo đạc xác định diện tích hơn 200.000m^2, V yêu cầu ông Đ1 trả tiền đo đạc là 15.000.000 đồng. Ngày 21-6-2022, V lập hợp đồng nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thời gian thực hiện từ 6 đến 7 tháng. Sau khi ký hợp đồng, ông Đ1 đưa cho V 100.000.000 đồng và chuyển khoản 100.000.000 đồng cho V. Ông Đ1 cung cấp căn cước công dân để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 8/2023, V yêu cầu ông Đ1 đưa thêm 20.000.000đ để Vịnh đóng thuế đất, gửi hình ảnh mô tả ranh giới đất cho ông Đ1. Ngày 17-8-2020 V đề nghị làm chuyển thủ tục chuyển mục đích sử dụng 200m^2 đất ở cho ông Đ1 với số tiền 46.740.000 đồng. Vì tin tưởng V, ngày 18-8-2023, ông Đ1 chuyển cho Vịnh 46.740.000 đồng. Ngày 11-9-2023, ông Đ1 chuyển thêm cho Vịnh 20.000.000 đồng. Để ông Đ1 tin tưởng, V đến tiệm Internet sử dụng phân mềm tải hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉnh sửa thành tên ông Phạm Văn Đ2 và thông tin thửa đất của gia đình ông Đ2, gửi qua Zalo cho ông Đ1. Vịnh cam kết ngày 06-10-2023 sẽ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 02-10-2023, V nói ông Đ1 cho V mượn 2.000.000 đồng để sửa xe ô tô và sẽ trừ vào chi phí làm GCNQSDĐ. Sau đó, V nói ông Đ1 chuyển thêm 7.000.000 đồng để đóng thuế. Tổng số tiền V đã nhận của ông Đ1 là 310.740.000 đồng.

5. Chiếm đoạt của ông Võ Anh D: Tháng 6/2023, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D. Ngày 10-6-2023, V thuê Nguyễn Văn Đ đến đo diện tích đất, kết quả xác định thửa đất có diện tích là 125.000m^2. Vịnh yêu cầu ông

D đưa trước 10.000.000 đồng tiền đo đạc. Ngày 15-6-2023, V thỏa thuận nhận làm thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D, với số tiền là 438.000.000 đồng (35.000.000 đồng/ha), hẹn trong thời hạn 05 tháng, ông D đồng ý, ký hợp đồng và đưa cho V 100.000.000 đồng. Ngày 22-6-2023, ông D chuyển tiếp cho V 120.000.000 đồng; ngày 04-7-2023 chuyển 60.000.000 đồng; ngày 21-7-2023 chuyển 10.000.000 đồng; ngày 14-9-2023 chuyển 10.000.000 đồng. Tổng số tiền V đã nhận của ông D là 310.000.000 đồng.

6. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Trọng K2: Khoảng tháng 7/2022, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K2, thửa đất có diện tích 10,5 ha, với số tiền 525.000.000 đồng với thời hạn 06 tháng. Ngày 17-7-2022, bà N1 (vợ K2) nhờ bà N2 chuyển cho Vịnh 160.000.000 đồng. Sau đó, V cũng thuê Nguyễn Văn Đ đến đo đất cho ông K2. Ngày 04-8-2022, bà N1 nhờ bà N2 chuyển thêm 30.000.000 đồng cho V. Tổng số tiền mà V đã nhận của ông K2 là 190.000.000 đồng.

7. Chiếm đoạt của ông Trần Duy B: Tháng 10/2022, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B với số tiền 230.000.000 đồng và chuyển mục đích sử dụng 300m^2 đất ở, với số tiền 110.000.000 đồng trong 06 tháng. Ngày 05-10-2022, hai bên lập hợp đồng thoả thuận, ông B chuyển trước cho V 30.000.000 đồng. Ngày 16-10-2022 chuyển thêm 125.000.000 đồng. Ngày 29-12-2022 chuyển 20.000.000 đồng. Tổng số tiền đã nhận của ông B là 175.000.000 đồng.

8. Chiếm đoạt của ông Vũ Việt V1: Tháng 7/2022, V nhận tách thửa đất số 95, tờ bản đồ số 69, diện tích 16.037,6m^2 thành 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác cho ông Vũ Việt V1, chi phí 90.000.000 đồng, thời gian thực hiện 80 ngày. Ngày 19-7-2022, V ký hợp đồng với ông V1 và nhận 60.000.000 đồng. Sau đó, V tiếp tục đưa ra thông tin gian dối, về việc chuyển mục đích sử dụng sang đất ở. Tin tưởng, ông V1 nhờ Vịnh chuyển mục đích 300m^2 đất ở, chi phí 108.000.000 đồng, hai bên lập hợp đồng thỏa thuận. Ông V1 đưa cho V 108.000.000 đồng. Tổng số tiền V đã nhận của ông V1 là 168.000.000 đồng.

9. Chiếm đoạt của ông Trịnh Đức L: Tháng 12/2022, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L 03 thửa đất với tổng diện tích 13.000m^2 với số tiền là 220.000.000 đồng. Vịnh yêu cầu đưa trước 10.000.000 đồng (đo đạc), hẹn trong 03 tháng sẽ làm xong, hai bên thống nhất lập hợp đồng. Ngày 26-5-2023, ông L đưa cho V 100.000.000 đồng. Ngày 01-6-2023 V nhận thêm 50.000.000 đồng. Tổng số tiền V đã nhận của ông L là 160.000.000 đồng.

10. Chiếm đoạt của ông K4: Ngày 25-8-2022, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K4, thửa đất có diện tích khoảng 03 ha với số tiền 175.000.000 đồng, hẹn trong 06 tháng. Ông K4 đồng ý và đưa cho V 100.000.000 đồng. Ngày 27-8-2022, V thuê người đến đo xác định thửa đất có diện tích là 37.000m2. V nói chi phí làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 215.000.000 đồng và nhận của ông K4 thêm 40.000.000 đ. Tổng số tiền V đã nhận của ông K' Biêng là 140.000.000 đồng.

11. Chiếm đoạt của bà Trần Thụy Thùy A: Cuối năm 2022, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A, thửa đất có diện tích khoảng 02 ha và tách thành 08 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác, với số tiền 220.000.000 đồng, hẹn trong 06 tháng. Ngày 30-12-2022, ông Phan Châu T4 (chồng A) chuyển cho

Vịnh 40.000.000 đồng. Ngày 01-01-2023, V thuê người đến đo thửa đất và lập hợp đồng, bà A đưa cho V thêm 20.000.000 đồng. Ngày 07-01-2023, ông T4 chuyển tiếp 70.000.000đ. Tổng số tiền V đã nhận của bà A là 130.000.000 đồng.

12. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị L1: Tháng 6/2022, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L1, 03 thửa đất với số tiền 200.000.00 đồng, hẹn trong 06 tháng. Ngày 14-6-2022, bà Lê C1 cho V 60.000.000 đồng. Ngày 21-6-2022, V thuê Đ đến đo các thửa đất và nhận của bà L1 thêm 70.000.000 đồng. Vịnh lập Giấy mượn tiền và lấy giấy tờ tùy thân của bà L1 để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng số tiền V đã nhận của L1 là 130.000.000 đồng.

13. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T5: Tháng 02/2022, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T5, thửa đất diện tích 1200m^2, tách thành 02 thửa, mỗi thửa có 75m^2 đất ở, với số tiền 135.000.000 đồng, thời gian 06 tháng, ông T5 đồng ý. Vịnh thuê Nguyễn Văn Đ3 đo đạc và nhận của ông T5 tổng số tiền 120.000.000 đồng.

14. Chiếm đoạt của ông Lê Văn L2: Ngày 15-02-2023, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L2, thửa đất có diện tích khoảng 2.000m^2 và chuyển mục đích 200m^2 sang đất ở, với số tiền là 145.000.000 đồng, hẹn trong 6 tháng. Hai bên lập hợp đồng cam kết, L2 đưa cho V 70.000.000 đồng. Vịnh thuê Nguyễn Văn Đ đến đo diện tích thửa đất. Ngày 06-3-2023, L2 đưa cho V thêm 30.000.000 đồng. Tổng số tiền V đã nhận của ông L2 là 100.000.000 đồng.

15. Chiếm đoạt của ông Đặng Văn T6: Ngày 25-8-2022, V nhận làm thủ tục tách thửa diện tích 266m^2 cho ông T6 và chuyển mục đích sử dụng 120m^2 sang đất ở đô thị, với số tiền 150.000.000 đồng, trong thời hạn 04 tháng. Vịnh lập hợp đồng và nhận của ông T6 20.000.000 đồng. Ngày 26-8-2022, bà Lê Thị H5 (vợ ông T6) chuyển thêm cho Vịnh 80.000.000 đồng. Tổng số tiền V đã nhận của ông T6 là 100.000.000 đồng.

16. Chiếm đoạt của ông Trần Văn Đ4: Tháng 12/2022, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ4, thửa đất diện tích khoảng 5000m^2, tách thành 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác, mỗi thửa có 100m^2 đất ở, với số tiền là 180.000.000 đồng, V yêu cầu đưa trước 10.000.000 đồng để đo đạc, vẽ sơ đồ thửa đất, hẹn trong 06 tháng, ông Đ4 đồng ý và đưa 10.000.000 đồng cho V. Ngày 15-3-2023, V soạn hợp đồng thể hiện nội dung đã nhận của ông Đ4 90.000.000 đồng. Ngày 24-3-2023, ông Đ4 nói con trai là Trần Anh H6 chuyển 80.000.000 đồng cho V. Sau khi nhận của ông Đ4 90.000.000 đồng, V sử dụng tiêu xài cá nhân, không làm như thỏa thuận.

17. Chiếm đoạt của bà Vũ Thị Thùy T7: Năm 2023, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T7, thửa đất diện tích 01 ha với số tiền 55.000.000 đồng và nhận giúp bà T7 lấy 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn H7 (chồng T7) đang thế chấp tại ngân hàng để đăng ký biến động sang tên, mà không cần trả tiền vay cho Ngân hàng, với số tiền 140.000.000 đồng. Ngày 08-01-2023, V lập hợp đồng và nhận của bà T7 20.000.000 đồng. Ngày 09-01-2023, bà T7 nhờ T4 (con rể) chuyển cho V thêm 90.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền V không làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T7 mà chiếm đoạt toàn bộ.

18. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H8: Tháng 02/2022, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H8, thửa đất có diện tích 1625m^2, trong đó có 80m^2 đất ở, với số tiền 150.000.000 đồng, thời gian thực hiện 06 tháng. Vịnh thuê người đo đạc và yêu cầu bà H8 cung cấp giấy tờ tùy thân để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 16-2-2022, bà H8 đưa 60.000.000 đồng cho V. Ngày 14-3-2022, bà H8 đưa thêm 20.000.000 đồng. Tổng số tiền V đã nhận của bà H8 là 80.000.000 đồng.

19. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T8: Tháng 11/2022, Trần Quốc V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T8, thửa đất có diện tích khoảng 1.000m2. Sau đó, tách thành 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mỗi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có 100m2 đất ở cho 04 người là Nguyễn Công L3, Nguyên Công L4, Nguyên Công T9, Nguyên Công L5. Vịnh đưa ra chi phí 160.000.000 đồng, thời gian trong 06 tháng. Ngày 29-11-2022, V lập hợp đồng và nhận của ông T8 80.000.000 đồng. Vịnh thuê Nguyễn Văn Đ đến đo đất. Số tiền nhận V đã nhận của ông T8 là 80.000.000 đồng.

20. Chiếm đoạt của ông Đào Kim T1: Tháng 7/2022, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1, thửa đất có diện tích khoảng 4 ha, với số tiền 50.000.000 đồng/1 ha. Ngày 12-7-2022, V lập hợp đồng và nhận của ông T1 40.000.000 đồng. Ngày 15-7-2022, bà Vũ Thị M1 (vợ T1) đưa cho V thêm 30.000.000 đồng. Sau khi nhận được 70.000.000 đồng của ông T1, V sử dụng tiêu xài cá nhân.

21. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Mạnh T10: Tháng 12/2022, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T10 04 thửa đất với số tiền 200.000.000 đồng, hẹn trong 06 tháng. Vịnh thuê xe ô tô Biển kiểm soát số 48A-154.55 của ông T10 làm phương tiện đi lại, từ ngày 27-12-2022 đến ngày 06-02-2023 với số tiền 38.000.000 đồng, tiền thuê xe được trừ vào tiền làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 29-12-2022, ông T10 cung cấp giấy tờ tùy thân và chuyển thêm 30.000.000 đồng cho V. Tổng số tiền V nhận được của ông T1 là 68.000.000 đồng.

22. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn C2: Tháng 7/2022, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C2, thửa đất có diện tích khoảng 01 ha với số tiền 100.000.000 đồng, hẹn 06 tháng. Ngày 14-7-2022, V lập hợp đồng và nhận của ông C2 10.000.000 đồng. Ngày 23-7-2022, V yêu cầu ông C2 cung cấp giấy tờ cá nhân và nhận thêm 60.000.000 đồng. Tổng số tiền V đã nhận của ông C2 là 70.000.000 đồng. Ngày 11-8-2023, V trả lại ông C2 10.000.000 đồng, còn lại 60.000.000 đồng.

23. Chiếm đoạt của gia đình ông Nguyễn Tiến Đ5, và bà Nguyên Thị D1: Tháng 5/2022, V nhận làm 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà D1 và ông Đ5, thửa đất diện tích khoảng 3.000m^2 với số tiền là 230.000.000 đồng, thời gian thực hiện 04 tháng. Ngày 19-5-2022, ông Đ5, bà D1 chuyển 120.000.000 đồng. Vịnh đề nghị ông Đ5, bà D1 cung cấp giấy tờ tùy thân và hẹn đến ngày 20-9-2022 sẽ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hết thời hạn, V không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Vịnh hẹn ngày 16-3-2023 sẽ trả tiền, đến hẹn, không có tiền trả, V nói dối là đã làm xong nhưng cần có thủ tục ủy quyền của bà D1 mới lấy được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Vịnh soạn "GIẤY ỦY QUYỀN" đề ngày 16-3-2023 đưa cho bà D1 ký. Sau đó, V không làm Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất và trả lại 60.000.000 đồng, số tiền còn lại 60.000.000 đồng Vịnh không trả mà chiếm đoạt.

24. Chiếm đoạt của bà Lê Thị Lệ U: Tháng 02/2023, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà U, thửa đất có diện tích khoảng 994.9m^2 và chuyển 60m^2 sang đất ở đô thị, chi phí 85.000.000 đồng, hẹn trong 06 tháng. Vịnh yêu cầu bà U đưa trước 10.000.000 đồng để đo đạc. Vịnh thuê Nguyễn Văn Đ đến đo và yêu cầu bà U cung cấp giấy tờ tùy thân để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vịnh lập hợp đồng đề ngày 01-3-2023, ghi rõ nội dung hai bên đã thỏa thuận và nhận của bà U thêm 50.000.000 đồng. Tổng số tiền V nhận của bà U là 60.000.000 đồng.

25. Chiếm đoạt của ông Vũ Văn B1: Tháng 4/2023, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B1, đối với 02 thửa đất gồm: 01 thửa đất có diện tích khoảng 500m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng phía sau có mương nước nên ông B1 không làm được thủ tục tách thửa; 01 thửa đất có diện tích khoảng 1.300m^2 do ông B1 nhận chuyển nhượng của người khác chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chi phí 70.000.000 đồng, hẹn trong thời gian 01 tháng. Cuối tháng 4/2023, ông B1 đưa trước cho V 10.000.000 đồng, 01 tuần sau, ông B1 đưa cho V thêm 35.000.000 đồng. Sau khi nhận 45.000.000 đồng, V chiếm đoạt và sử dụng tiêu xài cá nhân.

26. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Hữu B2: Tháng 12/2022, Trần Quốc V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu B2, thửa đất có diện tích khoảng 500m^2 với số tiền 75.000.00 đồng, hẹn trong 05 tháng. Vịnh lập hợp đồng và nhận trước của ông B2 40.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, V không làm mà chiếm đoạt toàn bộ.

27. Chiếm đoạt của ông Tôn Văn Anh V2: Tháng 8/2022, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V2, thửa đất có diện tích khoảng 1.000m^2 với giá 50.000.000 đồng; 01 thửa đất có diện tích khoảng 2000m^2 với giá 30.000.000 đồng; 01 thửa đất có diện tích khoảng 500m^2 với giá 20.000.000 đồng. Tổng số tiền làm 3 thửa là 100.000.000 đồng, hẹn trong 06 tháng sẽ làm xong. Ông V2 đồng ý và đưa cho V 40.000.000 đồng và lập hợp đồng thỏa thuận. Vịnh thuê Nguyễn Văn Đ đến đo đạc 03 thửa đất, sử dụng số tiền đã nhận chi tiêu cá nhân, không làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

28. Chiếm đoạt của ông Tôn Thất Nhật C3: Tháng 11/2022, ông C3 nói cho V biết việc ông C3 có thửa đất đang thế chấp tại Ngân hàng. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có 200m^2 đất ở, ông C3 muốn chuyển thêm 200m^2 sang đất ở. Mặc dù không có khả năng thực hiện nhưng V vẫn nhận làm cho ông C3, với số tiền là 30.000.000 đồng, trong thời gian từ 03 đến 06 tháng. V nói ông C3 đưa tiền cho V làm thủ tục trước, khi nào xong thì lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Ngân hàng ra để Vịnh làm thủ tục. Tháng 12/2022, ông C3 đưa cho V 30.000.000 đồng. Số tiền nhận được, V chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

29. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T11: Tháng 3/2023, V nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T11, thửa đất có diện tích khoảng 10.000m^2 với số tiền 60.000.000 đồng, hẹn trong 06 tháng. Do ông T11 đang ở Tiền Giang nên nhờ Mai Văn C4 đứng ra ký kết hợp đồng với V, ông T11 chuyển 30.000.000 đồng cho V. Sau khi nhận tiền, V chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

30. Chiếm đoạt của bà Trần Thị S: Ngày 06/4/2023, V biết gia đình bà S còn diện tích đất khoảng 20.000m^2 chưa được cấp Vịnh chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Vịnh cam kết làm với số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn thực hiện 06 tháng. Vịnh lập hợp đồng và nhận của bà S số tiền 30.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, V không làm GCNQSDĐ cho bà S và chiếm đoạt số tiền đã nhận.

31. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thanh T12: Tháng 11/2022, V nhận làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất trông cây lâu năm của bà T12, với số tiền 35.000.000đ. Vịnh lập hợp đồng và nhận của bà T12 15.000.000 đồng. Ngày 26-12-2022, V thuê Nguyễn Văn Đ đến đo đất. Sau khi đo, bà T12 chuyển cho V 4.800.000đ. Ngày 17-01-2023, V nói bà T12 chuyển 5.200.000 đồng cho anh L3 để V trả nợ cho L3. Tổng số tiền V đã nhận của bà T12 là 25.000.000 đồng.

32. Chiếm đoạt của vợ chồng ông Huỳnh Tấn R, bà Nguyễn Thị Thùy T13 dưới hình thức thuê xe ô tô tự lái: Tháng 02/2023, V thuê xe của ông Nguyễn Mạnh T14 với giá 20 triệu đồng. Ngày 25-02-2023, V cầm cố xe cho ông Hoàng Trần A1 lấy 150 triệu thời hạn 10 ngày, lập hợp giả cách dưới hình thức "Giấy mượn tiền". Ngày 12-3-2023, ông T14 đề nghị V trả lại xe để đi bảo dưỡng. Do xe đã cầm cố, nên V đã thuê xe của ông R và bà T13, đưa cho ông Hoàng Trần A1, lấy xe trả lại cho ông T14. T13 và V lập hợp đồng thuê xe thời hạn 05 ngày, V đã trả cho ông A1 được số tiền 65.000.000 đồng.

Đến hạn ngày 17-3-2023 hết hạn thuê xe, để trì hoãn V chuyển 5.000.000 đồng để thuê xe tiếp cho T13. Ngày 12-4-2023, V đến nhà ông Nguyễn Công T15 hỏi vay 200.000.000 đồng nhưng ông T15 không đồng ý, vì không có tài sản thế chấp. Ngày 13-4-2023, V đến gặp bà T13 để thuê xe biển kiểm soát 48A - 128.23, trong thời hạn 01 tháng với giá 21.000.000 đồng. Ngày 14-4-2023, V đưa xe đến cầm cố cho ông T15 vay 200.000.000 đồng, trong thời hạn 02 tháng. Sau đó, V không có tiền trả cho ông A1 và ông T15 để lấy lại 02 xe ô tô đã cầm cố và cũng không có tiền trả tiền thuê xe. Bà T13 phát hiện xe thuê đã bị cầm cố nên làm đơn tố giác, sau đó đã nhận lại được 02 xe ô tô trong quá trình giải quyết vụ việc.

Tại Kết luận giám định số: 22/KL-KTHS ngày 08/01/2024 của Phòng K6 Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký mang tên Trần Quốc V dưới mục Bên A trên tài liệu (ký hiệu A1, A2), so với chữ ký của Trần Quốc V trên tài liệu so sánh, là do cùng một người ký ra; dấu vân tay dưới mục Bên A trên tài liệu (ký hiệu A2) so với dấu vân tay của Trần Quốc V, là của cùng một người in ra;

Tại Kết luận giám định số: 368/KL-KTHS ngày 04/10/2023 của Phòng K6 Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Quốc V trên tài liệu (Ký hiệu từ Al đến A), so với chữ ký, chữ viết của Trần Quốc V trên tài liệu so sánh, là của cùng một người ký, viết ra; Hai dấu vân tay in trên tài liệu (ký hiệu A4) so với dấu vân tay in trên danh, chỉ bản so sánh, là của cùng một người in ra;

Tại Kết luận định giá tài sản số: 51/KL-ĐGTS ngày 23-11-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, Biển kiểm soát: 48A - 147.58, có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là: 448.478.000 đồng; xe ô tô nhãn hiệu Huynhdai Accent, Biển kiểm soát: 48A - 128.23 là: 367.582.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 816.060.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số: 460/KL-KTHS ngày 05-12-2023 của Phòng K6 Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ viết phân nội dung trên tài liệu (ký hiệu từ Al đến A5 và từ A8 đến A12), so với chữ viết của Trần Quốc V trên tài liệu so sánh, là do cùng một người viết ra; Chữ ký mang tên Trần Quốc V dưới mục Bên A trên tài liệu (ký hiệu từ A1 đến A12), so với chữ ký của Trần Quốc V trên tài liệu so sánh, là do cùng một người ký ra. Dấu vân tay dưới mục Bên A trên tài liệu (ký hiệu A1, A5, A6, A7, 48, A9) dưới phần nội dung trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A10), trừ dấu vân tay thứ nhất từ trái qua phải, dưới mục Người làm trên tài liệu (ký hiệu A12), so với dấu vân tay của Trần Quốc V, là của cùng một người in ra; Dấu vân tay thứ nhất từ trái qua phải, dưới phần nội dung trên tài liệu (ký hiệu A1) so với dấu vân tay của Trần Quốc V trên tài liệu so sánh, do dấu vân tay trên tài liệu (ký hiệu A10) mờ nên không đủ cơ sở để kết luận có phải dấu vân tay của cùng một người in ra hay không.

Tại Kết luận giám định số: 467/KL-KTHS ngày 08/12/2023 của Phòng K6 Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ viết phần nội dung trên tài liệu (ký hiệu Al va A4) so với chữ viết của Trần Quốc V trên tài liệu so sánh, là do cùng một người viết ra; Chữ ký mang tên Trần Quốc V dưới mục Bên A trên tài liệu ký hiệu từ A đến A), so với chữ ký của Trần Quốc V trên tài liệu so sánh, do cùng một người ký ra; Chữ viết mang tên Trần Quốc V dưới mục Bên A trên tài liệu (ký hiệu A1) so với chữ viết của Trần Quốc V trên tài liệu so sánh, là do cùng một người viết ra; Dấu vân tay dưới mục Bên A trên tài liệu (ký hiệu A2, A3), so với dấu vân tay của Trần Quốc V trên tài liệu so sánh, là của cùng một người in ra. Dấu vân tay dưới mục Bên A trên tài liệu (ký hiệu A4), so với dấu vân tay của Trần Quốc V trên tài liệu so sánh, do dấu vân tay trên tài liệu (ký hiệu A4) không rõ đường vân, nên không đủ cơ sở kết luận có phải dấu vân tay của cùng một người in ra hay không.

Tại Kết luận giám định số: 184/KL-KTHS ngày 16/4/2024 của Phòng K6 Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Quốc V trên tài liệu (ký hiệu từ Al đến A), so với chữ ký, chữ viết của Trần Quốc V trên tài liệu so sánh, là do cùng một người ký, viết ra. Chữ viết trên tài liệu (ký hiệu từ A1 đến A9), trừ các chữ tại dòng chữ viết thứ nhất trang 01, chữ viết dưới mục "BÊN A" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu Al); chữ viết tại 03 dòng đầu trang 02 trên tài liệu (ký hiệu A4) và chữ viết dưới mục "BÊN A" trên tài liệu (ký hiệu A8), so với chữ viết của Trần Quốc V trên tài liệu so sánh, là do cùng một người viết ra. Chữ viết tại dòng chữ việt thứ nhất trang 01, chữ viết dưới mục "BÊN A" trên tài liệu (ký hiệu chữ viết tại 03 dòng đầu trang 02 trên tài liệu (ký hiệu A4) "BÊN A" trên tài liệu cần và chữ viết dưới mục giám định (ký hiệu A8), so với chữ viết của Trần Quốc V trên tài liệu so sánh, không phải do cùng một người viết ra. Dấu vân tay màu đỏ in trên tài liệu (ký hiệu từ Al đến A), so với dấu vân tay của Trần Quốc V in trên tài liệu so sánh, là dấu vân tay của cùng một người in ra (bút lục 2122).

Tại Kết luận giám định số: 214/KL-KTHS ngày 14-5-2024 của Phòng K6 Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Quốc V trên tài liệu (Ký hiệu từ A1 đến A18), so với chữ ký, chữ viết của Trần Quốc V trên tài liệu so sánh, là do cùng một người ký, viết ra. Dấu vân tay màu đỏ in trên tài liệu (ký hiệu từ A1 đến 48), trừ dấu vân tay màu đỏ dưới phần nội dung ngày 14/7/2022 nhận 100.000.000 đồng trên tài liệu (ký hiệu A1) và dấu vân tay ở góc bên phải cuối trang 3 trên tài liệu (ký hiệu AT), so với dấu vân tay của Trần Quốc V in trên tài so

sánh, là dấu vân tay của cùng một người in ra. Không đủ cơ sở kết luận dấu vân tay dưới phần nội dung ngày 14-7-2022 nhận 100.000.000 đồng trên tài liệu (ký hiệu A2) và dấu vân tay ở góc bên phải cuối trang 3 trên tài liệu (ký hiệu AT), so với dấu vân tay của Trần Quốc V in trên tài liệu so sánh, có phải dấu vân tay của cùng một người in ra hay không.

Tại Kết luận giám định số: 308/KL-KTHS ngày 01-7-2024 của Phòng K6 Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Quốc V trên tài liệu (ký hiệu A1, A2), so với chữ ký, chữ viết của Trần Quốc V trên tài liệu so sánh, do cùng một người ký, viết ra. Dấu vân tay màu đỏ in trên tài liệu (ký hiệu A1 so với dấu vân tay của Trần Quốc V in trên tài liệu so sánh, là dấu vân tay của cùng một người in ra.

Tại Kết luận giám định số: 244 ngày 04/6/2024 của Phòng K6 Công an tỉnh Đ kết luận: Khẩu súng gửi đến giám định là súng hơi PCP, thuộc súng săn, không phải vũ khí quân dụng.

Tại Bản cáo trạng số: 45/CT-VKSĐN-P2 ngày 25/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Trần Quốc V về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2025/HS-ST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Quốc V 15 (mười lăm) năm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/12/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm quyết định về về trách nhiệm dân sự; về lãi suất chậm thi hành án; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 03/3/2025, bị cáo Trần Quốc V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình hiện đang nuôi hai con còn nhỏ.

- Ngày 10/3/2025, bị hại Đào Kim T1, Nguyễn Trọng K2, Võ Anh D kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Quốc V.

- Ngày 07/3/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-P2 đối với bản án sơ thẩm đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Quốc V.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 03/QĐ-VKS-P2 của Viện trưởng Viện kiểm

sát nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Quốc V.

- Bị hại Nguyễn Trọng K2 giữ nguyên kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Quốc V.

- Bị cáo Trần Quốc V giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình hiện đang nuôi hai con còn nhỏ. Ngoài ra, bị cáo có công trong việc phối hợp với cơ quan Công an để phá vụ án tàng trữ vũ khí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến về người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng hình sự; đơn kháng cáo của các bị hại, bị cáo đảm bảo đúng hình thức, trong thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo của các bị hại, bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông nhận thấy: Bản án sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Trần Quốc V 15 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Do đó, đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và không chấp nhận kháng cáo của các bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Quốc V có ý kiến: Thống nhất về tội danh và hình phạt mà Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, do bị cáo có sai lầm trong việc tiêu xài trong cuộc sống dẫn đến việc vay tiền không có khả năng trả nợ dẫn đến việc phạm tội. Sau khi phạm tội, gia đình bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về chăm sóc các con của bị cáo và trả nợ cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên *cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Đơn kháng cáo của các bị hại Đào Kim T1, Nguyễn Trọng K2, Võ Anh D và bị cáo Trần Quốc V và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đảm bảo hình thức, trong thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Do đó, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Trần Quốc V tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các kết luận giám định, định giá cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Từ năm 2022 đến năm 2023 bị cáo Trần Quốc V đã đưa ra thông tin gian dối về việc bị cáo có thể làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký biến động, tách thửa đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, các bị hại tin tưởng là thật nên đã cung cấp thông tin cá nhân và đưa tiền cho V để V làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký biến động, tách thửa đất, chuyển mục đích sử dụng đất. V đã nhận tiền và chiếm đoạt của 32 bị hại với tổng số tiền là 5.714.800.000 đồng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Do đó, Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Trần Quốc V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Quốc V là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tác hại xấu đến an ninh trật tự, xã hội ở địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng đối với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Xét nhân thân bị cáo Trần Quốc V chưa có tiền án, tiền sự và chưa từng vi phạm pháp luật, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo, tỏ ăn ăn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại. Ngoài ra, bị cáo đã hợp tác giúp cơ quan điều tra giải quyết vụ án khác. Khi quyết định hình phạt, Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét mức hình phạt 15 năm tù đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Gia đình bị cáo có cung cấp giấy trả tiền cho bị hại nhưng chưa được chính quyền địa phương xác nhận. Người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt do bị cáo chưa trả tiền cho bị hại. Nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và không chấp nhận kháng cáo của các bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Trần Quốc V là có căn cứ, có đảm bảo tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, các bị hại, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Quốc V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; về lãi suất chậm thi hành án; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Quốc V xin giảm nhẹ hình phạt và không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Đào Kim T1, Nguyễn Trọng K2, Võ Anh D đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo.

2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2025/HS-ST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về hình phạt đối với bị cáo Trần Quốc V.

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Quốc V 15 (mười lăm) năm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/12/2023.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Quốc V phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; về lãi suất chậm thi hành án; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)